

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án đầu tư khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Tượng Lĩnh, tỉnh
Thanh Hóa của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Đông Hưng Phát**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

Căn cứ Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Tượng Lĩnh của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Đông Hưng Phát;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 26/TTr-SNNMT ngày 07/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Tượng Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Đông Hưng Phát (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tượng Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Tượng Lĩnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao để đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án; đặc biệt là quá trình khai thác khoáng sản. Kịp thời xử lý hoặc kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Tượng Lĩnh, Giám đốc Công ty TNHH xây dựng và thương mại Đông Hưng Phát; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Tượng Lĩnh, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Đông Hưng Phát
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Đầu tư khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Tượng Lĩnh, tỉnh Thanh Hoá.
- Địa điểm thực hiện: Tại xã Tượng Lĩnh, tỉnh Thanh Hoá.
- Chủ dự án: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Đông Hưng Phát
+ Đại diện: Ông Nguyễn Mạnh Tùng, Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ liên hệ: Số nhà 14, đường Đỗ Bí, tiểu khu Bắc Giang, xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa;
- + Mã số doanh nghiệp: 2802798958.

1.2. Quy mô, công suất:

- Tổng diện tích khu vực thực hiện dự án: 7,2ha thuộc xã Tượng Lĩnh, tỉnh Thanh Hoá. Ranh giới tọa độ khu đất cụ thể như sau:

Điểm góc	TOẠ ĐỘ VN 2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1	2161 063,47	573 031,35
2	2161 228,47	572 902,35
3	2161 172,47	572 648,35
4	2160 993,46	572 603,35
5	2161 013,47	573 031,35

- Công suất khai thác (tính toán tại báo cáo đánh giá tác động môi trường), cụ thể như sau:

+ 02 năm (24 tháng) đầu: Công suất 550.000m³/năm (trạng thái tự nhiên); tương đương 709.500m³/năm đất nguyên khai;

+ Các năm tiếp theo (từ năm thứ 3 đến năm thứ 10, tương ứng 07 năm 04 tháng): Công suất 165.000m³/năm (trạng thái tự nhiên); tương đương 212.850m³/năm đất nguyên khai.

Công suất khai thác thực tế theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Công nghệ khai thác:

+ Khai thác lộ thiên, hệ thống khai thác theo lớp bằng, khai thác từ trên xuống dưới, từ ngoài vào trong, bốc xúc bằng máy xúc và vận chuyển bằng ô tô.

+ Quy trình công nghệ khai thác: Bóc tầng phủ → Bóc xúc → Vận chuyển khoáng sản đi tiêu thụ.

- Tuổi thọ mỏ: 10 năm; trong đó, thời gian khai thác là 09 năm 04 tháng, thời gian xây dựng cơ bản là 08 tháng (thời gian khai thác thực tế theo Giấy phép khai thác khoáng sản do cấp có thẩm quyền cấp).

1.4. Phạm vi

- Dự án đầu tư khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Tượng Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa (trước đây là xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống) được UBND tỉnh công nhận trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 16/6/2023; theo đó, diện tích khu vực thực hiện dự án 7,2ha tại xã Tượng Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa, tổ chức trúng đấu giá là Công ty TNHH xây dựng và thương mại Đông Hưng Phát. Dự án đã được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tại Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 28/01/2025.

- Tổng diện tích khu vực thực hiện dự án (bao gồm cả các hạng mục công trình của dự án) là 7,2ha.

- Quy mô xây dựng dự án: Tuyến đường nội mỏ từ mặt bằng sân công nghiệp cos +50m lên mặt bằng bãi xúc cos +120m chiều dài 693m, rộng 8m (dùng cho ô tô); Tuyến đường nội mỏ từ mặt bằng bãi xúc cos +120m lên mặt bằng khai thác ban đầu cos +175m, chiều dài 268m, rộng 4m (dùng cho máy xúc). Mặt bằng sân công nghiệp diện tích 2.500m²; Bãi xúc diện tích 9.050m²; Mặt tầng công tác ban đầu diện tích 1.670m²; Nhà điều hành (thùng container di động) 30m²; Trạm cân ô tô điện tử 120 tấn (diện tích lắp đặt 126m²); Bãi thải diện tích 450m² (kích thước 30×5m); Nhà vệ sinh di động diện tích 1,24m²; Kho chất thải nguy hại diện tích 9m²; Khu vực rửa lốp xe diện tích 50m² (kích thước 10×5m); Hồ lắng diện tích 375m² (2 ngăn, tổng thể tích 1.125m³, kích thước 25×15×3m); Rãnh thoát nước (kích thước 0,8×0,5m) dài 75m.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Các công trình và hoạt động giai đoạn thi công

- Quá trình xây dựng cơ bản làm phát sinh khối lượng thực vật phát quang, nước mưa chảy tràn, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung và phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.
- Các rủi ro, sự cố do sạt lở trong quá trình thi công xây dựng cơ bản mở.

2.2. Các công trình và hoạt động giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các thiết bị xúc bốc, san gạt làm phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.
- Các rủi ro, sự cố liên quan tới hoạt động khai thác và vận hành các hạng mục, công trình xử lý môi trường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

3.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh ngày lớn nhất khoảng $0,8\text{m}^3/\text{ngày}$ (trong đó: nước thải rửa tay chân khoảng $0,48\text{m}^3/\text{ngày}$; nước thải vệ sinh khoảng $0,32\text{m}^3/\text{ngày}$). Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, TSS, Amoni, tổng N, tổng P, Coliform.
- Nước thải rửa lốp bánh xe phát sinh lớn nhất khoảng $7,4\text{m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, tổng N, dầu mỡ khoáng.
- Nước mưa chảy tràn phát sinh ngày lớn nhất khoảng $848,72\text{m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

3.1.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $2,4\text{m}^3/\text{ngày}$ (trong đó: nước thải rửa tay chân, tắm giặt khoảng $1,44\text{m}^3/\text{ngày}$; nước thải vệ sinh khoảng $0,96\text{m}^3/\text{ngày}$). Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, TSS, Amoni, tổng N, tổng P, Coliform.
- Nước thải rửa lốp bánh xe phát sinh lớn nhất khoảng $47,8\text{m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, tổng N, dầu mỡ khoáng.
- Nước mưa chảy tràn phát sinh ngày lớn nhất (tính theo cơn mưa kéo dài nhất trong 3 giờ/ngày): khoảng $2.915,45\text{m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

3.1.1.3. Giai đoạn đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $0,8\text{m}^3/\text{ngày}$ (trong đó: nước thải rửa tay chân khoảng $0,48\text{m}^3/\text{ngày}$; nước thải vệ sinh khoảng $0,32\text{m}^3/\text{ngày}$). Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, TSS, Amoni, tổng N, tổng P, Coliform.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh ngày lớn nhất (tính theo cơn mưa kéo dài nhất trong 3 giờ/ngày): khoảng $6.867,76\text{m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

3.1.2. Khí thải

3.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Bụi phát sinh do hoạt động thi công xây dựng cơ bản (đào đắp, xây dựng và vận chuyển nguyên vật liệu).

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải nguyên vật liệu, thiết bị sử dụng nhiên liệu xăng và dầu diezen. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO₂.

3.1.2.2. Giai đoạn vận hành

- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình xúc bốc, máy móc khai thác trong khu vực mỏ: Thành phần chủ yếu: bụi, SO₂, NO₂, CO. Nồng độ bụi phát sinh thời điểm lớn nhất là $0,578\text{mg}/\text{m}^3$ đạt giới hạn cho phép theo QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc. Nồng độ SO₂ là $0,145\text{mg}/\text{m}^3$; nồng độ NO₂ là $0,1098\text{mg}/\text{m}^3$; nồng độ CO là $3,006\text{mg}/\text{m}^3$ đạt giới hạn cho phép theo QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc. Tuy nhiên, nồng độ bụi vượt 1,93 lần so với QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển đất đi tiêu thụ, vận chuyển đất thải. Thành phần chủ yếu: bụi, SO₂, NO₂, CO,... Nồng độ bụi phát sinh thời điểm lớn nhất là $10,487\text{mg}/\text{m}^3$ vượt 1,31 lần so với giới hạn cho phép theo QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; nồng độ NO₂ là $0,563\text{mg}/\text{m}^3$; nồng độ SO₂ là $0,291\text{mg}/\text{m}^3$; nồng độ CO là $9,069\text{mg}/\text{m}^3$ đạt giới hạn cho phép theo QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc. Tuy nhiên, nồng độ bụi vượt 34,96 lần; nồng độ NO₂ vượt 3,36 lần; nồng độ SO₂ vượt 1,24 lần so với QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

3.1.2.3. Giai đoạn đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường:

- Bụi phát sinh do hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường (phá dỡ, đào đắp cải tạo, san gạt, vận chuyển).

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải nguyên vật liệu, thiết bị sử dụng nhiên liệu xăng và dầu diezen. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO₂.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn

3.2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ngày lớn nhất khoảng 5kg/ngày trong thời gian thi công xây dựng cơ bản mở. Thành phần chủ yếu là: vỏ chai, túi nilon, giấy báo.

- Khối lượng đất dư thừa phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản mở khoảng 71.957,6m³.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang thực vật: diện tích phát quang trong quá trình thi công khoảng 20.936m². Do đó khối lượng chất thải rắn này phát sinh khu mở khoảng 4.187,2kg/quá trình thi công.

3.2.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ngày lớn nhất khoảng 15,3kg/ngày. Thành phần chủ yếu là: chai nhựa, túi nilon, giấy báo, thức ăn thừa.

- Đất bóc phủ phát sinh trong quá trình khai thác lớn nhất khoảng 3.600m³/năm.

- Thực vật phát quang (chủ yếu là cây bụi) phát quang khoảng 7,2tấn trên toàn bộ diện tích khu vực dự án.

3.2.1.3. Giai đoạn đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ngày lớn nhất khoảng 5kg/ngày trong thời gian thi công xây dựng cơ bản mở. Thành phần chủ yếu là: vỏ chai, túi nilon, giấy báo.

- Chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ quá trình tháo dỡ công trình khoảng 14,1tấn.

3.2.2. Chất thải nguy hại

3.2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải nguy hại dạng lỏng phát sinh tối đa khoảng 130lít/giai đoạn thi công chủ yếu là dầu thải từ quá trình bảo trì máy móc, thiết bị thi công.

- Chất thải nguy hại dạng rắn phát sinh tối đa khoảng 24kg/giai đoạn thi công, chủ yếu từ hoạt động sửa chữa nhỏ đối với các máy móc, thiết bị. Thành phần chủ yếu là: giẻ lau nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy thải, pin,...

3.2.2.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải nguy hại dạng lỏng phát sinh cả quá trình khai thác là 110lít/năm. Thành phần chủ yếu: dầu thải.

- Chất thải nguy hại dạng rắn phát sinh khoảng 36kg/năm từ hoạt động sửa chữa nhỏ đối với các máy móc, thiết bị. Thành phần chủ yếu: giẻ lau nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, ắc quy thải, pin,...

3.2.2.3. Giai đoạn đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường:

- Chất thải nguy hại dạng lỏng phát sinh không đáng kể.
- Chất thải nguy hại dạng rắn phát sinh tối đa khoảng 12kg/giai đoạn cải tạo phục hồi, chủ yếu từ hoạt động sửa chữa nhỏ đối với các máy móc, thiết bị. Thành phần chủ yếu là: giẻ lau nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy thải, pin,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công xây dựng: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công.
- Giai đoạn vận hành: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ thiết bị bốc xúc và phương tiện vận chuyển.
- Giai đoạn đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động phá dỡ, xúc bốc cải tạo, san gạt và phương tiện vận chuyển.

3.4. Các tác động khác

- Giai đoạn thi công xây dựng: Các rủi ro, sự cố môi trường: tai nạn giao thông, tai nạn lao động,...
- Giai đoạn vận hành: Các rủi ro, sự cố môi trường: sạt lở bờ moong khai thác, tai nạn giao thông, tai nạn lao động,...
- Giai đoạn đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường: Các rủi ro, sự cố môi trường: tai nạn giao thông, tai nạn lao động, sạt lở bờ moong,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải

4.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với nước thải từ quá trình vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) thu gom, xử lý bằng 01 nhà vệ sinh di động (kích thước 1,8×1,35×2,6m), dung tích bể chứa chất thải 0,5m³/bể, bố trí cạnh khu nhà điều hành; định kỳ 01 ngày/lần hoặc khi gần đầy bể, hợp đồng với đơn vị có chức năng hút chất thải vận chuyển đi xử lý, không xả thải ra môi trường.

- Đối với nước thải từ quá trình rửa tay chân thu gom, xử lý tại 01 hố lắng có thể tích 8,0m³ (kích thước 4×2×1m) tại lán trại công nhân, để thu gom lắng và loại bỏ chất rắn lơ lửng, rác thải phát sinh,.... Nước thải tại hố lắng sau xử lý tận dụng tuần hoàn để rửa xe, phun ẩm giảm bụi. Váng dầu được thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải nguy hại khác của dự án theo quy định.

- Nước thải rửa lốp bánh xe thu gom, xử lý cùng nước thải rửa tay chân tại 01 hố lắng có thể tích 8,0m³ (kích thước 4×2×1m) tại lán trại công nhân, để thu gom lắng và loại bỏ chất rắn lơ lửng, rác thải phát sinh,.... Nước thải tại hố lắng sau xử lý tận dụng tuần hoàn để rửa xe, phun ẩm giảm bụi. Váng dầu

được thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải nguy hại khác của dự án theo quy định..

- Nước mưa chảy tràn thu gom vào các rãnh thoát nước có kích thước 0,8×0,5m, sau đó chảy ra mương thoát nước chung khu vực.

4.1.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) thu gom vào 02 bể chứa chất thải (thể tích 1,8m³/bể) lắp đặt phía dưới mỗi phòng vệ sinh. Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý với tần suất 02 - 05 ngày/lần hoặc khi gần đầy bể, không xả thải ra môi trường.

+ Nước thải từ khu vực rửa chân tay, tắm giặt thu gom qua ống nhựa HDPE D110mm về xử lý tại hố lắng 02 ngăn (tổng thể tích 1.125m³, kích thước 25×15×3m). Nước thải sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng để rửa xe, tưới ẩm giảm bụi; một phần qua hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải rửa lốp bánh xe dẫn theo rãnh thu nước về xử lý tại hố lắng 02 ngăn (tổng thể tích 1.125m³, kích thước 25×15×3m). Hố lắng có đáy và thành lót vải địa kỹ thuật HDPE, được xây dựng bằng cách đào hồ sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành để chống thấm, hồ lắng được chia làm 2 ngăn bởi vách ngăn lững (tổng thể tích 1.125m³): Ngăn thứ nhất có thể tích 675m³ (kích thước 15×15×3m) có chức năng thu nước, thành hồ bằng với mặt bằng xung quanh để thu nước mưa chảy tràn. Ngăn thứ 2 có thể tích 450m³ (kích thước 10×15×3m). Nước sau khi lắng tại ngăn thứ 1 tự chảy tràn sang ngăn thứ 2 qua vách ngăn lững. Nước thải sau khi xử lý tại hố lắng được tái sử dụng để rửa xe, tưới ẩm giảm bụi; một phần qua hệ thống thoát nước chung của khu vực. Nước xử lý tại hố lắng đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, (cột B) trước khi chảy ra mương thoát nước chung của khu vực.

- Nước mưa chảy tràn thu gom vào các rãnh thoát nước có kích thước 0,8×0,5m chạy dọc theo đường biên của mỏ để thu về hố lắng 02 ngăn (tổng thể tích 1.125m³, kích thước 25×15×3m). Nước thải sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng để rửa xe, tưới ẩm giảm bụi; khi xảy ra mưa lớn nước từ hố lắng chảy theo mương thoát nước dọc đường ngoại mỏ và thoát ra mương thoát nước của địa phương.

4.1.1.3. Giai đoạn đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường:

- Sử dụng nhà vệ sinh hiện có tại giai đoạn trước (tiến hành phá dỡ sau cùng). Sau khi kết thúc quá trình đóng cửa mỏ, chủ đầu tư tiến hành phá dỡ nhà vệ sinh và thuê đơn vị có chức năng tiến hành thông hút theo quy định.

- Với lượng nước mưa chảy tràn trên diện tích mỏ khi kết thúc khai thác sẽ đạt lớn nhất, do vậy Công ty sẽ vẫn duy trì hệ thống các rãnh thu nước và các hố thu, lọc đảm bảo thu gom, dẫn dòng toàn bộ nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án.

4.1.1.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

- Thu gom, lắng nước mưa chảy tràn đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước mưa và hệ sinh thái khu vực trong quá trình thi công xây dựng và vận hành các hạng mục công trình của dự án.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn, đảm bảo nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác không ảnh hưởng đến khu vực nhà dân, tuyến đường giao thông khu vực; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh dự án.

- Toàn bộ nước tại moong khai thác, nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác được thu gom đưa về ngăn số 1 sau đó sang ngăn số 2 của hồ lắng để lắng trước khi tuần hoàn tái sử dụng hoặc thoát ra mương thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực.

- Định kỳ nạo vét các mương rãnh thu gom nước mưa và các hồ lắng.

4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý bụi, khí thải

4.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Thi công theo hình thức cuốn chiếu; đất đá thải được bốc xúc lên xe vận chuyển đi san gạt ngay khi bốc phong hoá.

- Phun ẩm tại khu vực thi công có tổng diện tích khoảng 20.936m² và tại bãi chứa nguyên vật liệu với tần suất 2 - 4 lần/ngày vào những hôm không mưa cho bề mặt làm ẩm được tưới đều không tạo ra lầy hóa để giảm bụi.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu thi công, đất thải phải chạy đúng tốc độ quy định, chở đúng trọng tải quy định của xe, thùng xe đóng kín và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi vật liệu, đất thải trong quá trình di chuyển.

- Kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật.

- Bố trí công nhân thường xuyên quét dọn, vệ sinh dọc tuyến đường vận chuyển nguyên nhiên vật liệu phục vụ xây dựng cơ bản.

- Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động (quần áo giày, găng tay, khẩu trang) cho người lao động làm việc trên công trường.

4.1.2.2. Giai đoạn vận hành

- Lập kế hoạch khai thác hợp lý để giảm thiểu lượng máy móc hoạt động cùng một lúc trên công trường.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân làm việc trực tiếp tại mỏ theo quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động và an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

Tránh không để đất rơi vương vãi trên đường vận chuyển bằng cách phủ kín các thùng xe chứa vật liệu, chạy xe đúng tốc độ quy định. bố trí công nhân thu dọn đất đá rơi trên đường ngay khi phát sinh. Hạn chế vận chuyển và bố trí người đứng điều tiết xe vận chuyển ở hai đầu tuyến đường đoạn từ khu mỏ ra

đầu tuyến đường liên thôn và đầu đường liên thôn nối với đường tỉnh 512 vào giờ đi/tan học của học sinh; giờ đi làm, giờ tan ca công nhân,...

- Phun nước làm ẩm đất tại vị trí tuyến đường vận chuyển nội mỏ bằng xe phun nước dập bụi, với tần suất 04 lần/ngày phun tránh gây phát tán bụi ra môi trường xung quanh.

- Không tiến hành khai thác, vận chuyển vào những ngày mưa.

- Rửa lớp bánh xe trước khi ra vào khu vực mỏ. Khu vực rửa xe thiết kế dạng sàn rửa được bố trí dàn phun áp lực cao dạng tia đa góc ở hai bên. Khu vực rửa xe có diện tích 50m² (rộng 5m, dài 10m), được xử lý nền bằng bê tông và gia cố móng bằng cấp phối đá dăm đầm chặt, đảm bảo chịu tải trọng xe ra vào. Xung quanh khu vực rửa xe bố trí rãnh thu nước thải kích thước 20×0,1×0,15m để dẫn về bể lắng. Toàn bộ nước thải được thu gom về hố lắng để xử lý.

- Cải tạo, nâng cấp và cứng hóa đường ngoại mỏ; phối hợp với các đơn vị đang khai thác tại khu vực thường xuyên nâng cấp cải tạo tuyến đường đi chung (cứng hoá bề mặt bằng cách đổ lớp đá 1x2 và đá dăm thay cho bề mặt đường đất) để giảm thiểu bụi phát sinh do bay bốc theo lớp bánh xe.

- Yêu cầu lái xe không đậu xe tập trung để nổ máy để nghỉ trưa dọc tuyến đường vận chuyển gây ùn tắc, ồn ào... ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân xung quanh.

- Số lượng xe vận chuyển không vượt quá 80 chuyến/ngày.

- Không thực hiện vận chuyển vào khung giờ cao điểm, giờ đi học và tan tầm của học sinh.

4.1.2.3. Giai đoạn đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường

- Thường xuyên phun nước làm ẩm, giảm bụi các tuyến đường vận tải và các khu vực thi công với tần suất tối thiểu 2 lần/ngày (trừ những ngày mưa), tăng tần suất vào mùa khô.

- Phun nước làm ẩm đất đá trước khi san ủi.

- Kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định.

- Bố trí công nhân thường xuyên quét dọn, vệ sinh dọc tuyến đường vận chuyển nhằm hạn chế tác động đến hoạt động giao thông và khu dân cư xung quanh.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn

4.2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được phân loại, thu gom vào 02 thùng rác loại 60lít/thùng; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

- Khối lượng đất đào, đất bóc phủ dư thừa sau khi thi công tuyến đường nội mỏ, ngoại mỏ, tạo diện công tác ban đầu,...: tận dụng làm vật liệu san lấp các công trình trên địa bàn.

- Chất thải rắn từ quá trình phát quang: thu gom cho nhân dân địa phương tận dụng làm chất đốt hoặc vận chuyển đưa đi xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt thông thường.

4.2.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân: Thực hiện phân loại, thu gom vào 02 thùng rác loại 60lít/thùng. Hợp đồng với đơn vị có đủ điều kiện, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 02 ngày/lần.

- Đất bóc tầng phủ: Khối lượng đất bóc phủ lớn nhất ước tính khoảng 3.600m³/năm đất thải được lưu giữ tại bãi thải tạm. Lượng đất thải này chủ yếu là đất phong hóa, đất màu rất tốt cho cây trồng nên công ty lưu tại bãi thải (khu vực moong đã khai thác hết trữ lượng) sử dụng để cải tạo phục hồi môi trường.

- Chất thải rắn từ quá trình phát quang thu gom cho nhân dân địa phương phơi khô tận dụng làm chất đốt hoặc hợp đồng với đơn vị chức năng tại địa phương thu gom xử lý chung với chất thải rắn sinh hoạt.

4.2.1.3. Giai đoạn đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được phân loại, thu gom vào 02 thùng rác loại 60lít/thùng; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 02 ngày/lần.

- Chất thải tháo dỡ công trình: tháo dỡ và vận chuyển đổ thải hoặc trả lại đơn vị cho thuê.

4.2.1.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 05/2025/NĐ-CP); Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

4.2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn nguy hại: Trang bị 01 thùng chứa dung tích 100lít/thùng có

dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định; lưu trữ tạm tại kho chứa (tại lán trại công nhân).

- Chất thải lỏng nguy hại: Không phát sinh tại công trường do công tác thay dầu, sửa chữa máy móc tại các gara trên địa bàn. Tuy nhiên, để đảm bảo khả năng lưu chứa dầu thải khi xảy ra tình trạng hỏng hóc máy móc Chủ đầu tư thu gom vào thùng 01 chứa riêng có dung tích 100lít/thùng và dán nhãn, sau đó đặt trong kho chứa tạm tại khu vực lán trại. Kho có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa; định kỳ 01 lần/quá trình thi công, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định.

4.2.2.2. Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh: phân loại, thu gom, chứa trong các thùng chứa chuyên dụng (02 thùng 100 lít/thùng để chứa chất thải nguy hại dạng rắn, 02 thùng 100lít/thùng để chứa chất thải nguy hại dạng lỏng) có nắp đậy và lưu chứa trong kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 9,0m². Định kỳ, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2.3. Giai đoạn đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường:

Chất thải nguy hại phát sinh: thực hiện phân loại, thu gom, chứa trong các thùng chứa chuyên dụng (02 thùng 100lít/thùng) tại kho chứa chất thải nguy hại được tháo dỡ sau cùng). Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Phân loại, thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt kiểm định chất lượng theo yêu cầu; ưu tiên sử dụng các thiết bị có mức rung thấp; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ.

- Tuân thủ thời gian làm việc theo quy định; hạn chế tập trung các thiết bị làm việc cùng lúc tại công trường.

- Lắp đệm cao su chống ồn, chống rung tại các thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung, hộp dầu giảm chấn,...

4.3.2. Giai đoạn vận hành

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị làm việc tại mỏ, trang bị bảo hộ cho người lao động.

- Hạn chế sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị trên công trường thi công gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng tiếng ồn, rung.

- Bố trí lao động thích hợp, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại khu vực phát sinh tiếng ồn cao.

- Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân.

- Bố trí hợp lý giờ làm việc tuân thủ theo đúng quy định.

4.3.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

- Đối với khu vực moong khai thác:

+ Diện tích đáy moong khai thác tại khu mỏ: 5,3ha.

+ Khu vực mái taluy trồng cỏ gừng;

+ Khu vực mặt taluy, bờ đai bảo vệ trồng cây keo tai tượng Úc;

+ San gạt mặt bằng khu vực moong khai thác, đào hố trồng cây keo tai tượng Úc;

+ Lắp đặt biển cảnh báo nguy hiểm.

- Đối với khu vực xây dựng các hạng mục công trình:

+ Khu vực xây dựng các công trình (nhà điều hành, nhà kho, nhà vệ sinh,...) được tháo dỡ, san gạt mặt bằng và trồng cây keo tai tượng Úc;

+ San lấp các hố lũng;

+ Tháo dỡ cột điện, đường dây điện;

+ Di dời máy móc thiết bị ra khỏi khu vực mỏ;

+ Trám giếng khoan;

- Đối với khu vực xung quanh: Cải tạo đường giao thông ngoài mỏ và nạo vét mương thoát nước dọc tuyến đường ngoài mỏ.

Tổng hợp khối lượng các công tác cải tạo, phục hồi môi trường.

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
A	Khu vực moong khai thác		
1	Làm biển báo bê tông cốt thép, loại tam giác 0,7x0,7x0,7m.	cái	29
2	Chi phí xây dựng cột biển báo	cái	29

3	Bạt mái taluy đai bảo vệ đất cấp III	100m ³	30,21
4	Đào mương thoát nước bằng máy đào 1,6m ³	100m ³	13,67
5	Bốc xúc đất màu bằng máy đào 1,6m ³	100m ³	330,17
6	Chi phí vận chuyển đất từ bãi thải về moong khai thác cự ly ≤500m, đất cấp III, ô tô tự đổ 10T	100m ³	330,17
7	San gạt mặt bằng moong khai thác bằng máy ủi 110CV	100m ³	265,0
8	Trồng cây keo tai tượng Úc trên mặt taluy	ha	2,136
9	Trồng Keo tai tượng Úc khu vực moong khai thác	ha	5,3
10	Trồng cỏ gừng trên mái taluy	ha	3,02
B	Khu vực xây dựng các công trình phục vụ khai thác		
1	Tháo dỡ kết cấu sắt thép có chiều cao <6m	tấn	14,1
2	Di dời máy móc thiết bị bằng ô tô 15 tấn	chuyến	2
3	Trám lấp giếng	m ³	0,88
4	Lắp hồ lắng và rãnh thoát nước	100m ³	11,55
5	Tháo dỡ cột điện	cái	10
6	Tháo dỡ dây cáp điện	công	5,0
C	Phá dỡ tường bao bãi thải		
1	Phá dỡ kết cấu tường bằng máy khoan bê tông	tấn	21
D	Khu vực xung quanh		
1	Nạo vét mương thoát nước	100m ³	0,696
2	Gia cố tuyến đường ngoại mỏ	100m ³	3,48

4.4.2. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường đã tính toán tại bảng 4.6 là: 1.400.525.947 đồng.

- Số lần ký quỹ chia thành 10 lần:
 - + Số tiền ký quỹ lần đầu (20%): 280.105.189 đồng. Thời gian thực hiện việc ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở;
 - + 9 (chín) lần tiếp theo, số tiền mỗi lần: 124.491.195 đồng. Việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.
- Số tiền nêu trên chưa tính đến yếu tố trượt giá. Yếu tố trượt giá được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê cho địa phương nơi khai thác khoáng sản hoặc cơ quan có thẩm quyền.
- Đơn vị nhận ký quỹ: Ban quản lý Quỹ bảo vệ, phát triển rừng, môi trường và Phòng, chống thiên tai Thanh Hoá.

4.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thường xuyên kiểm tra và quan trắc hiện tượng trượt, sạt lở (nhất là sau các trận mưa lớn).
- Công tác phòng chống mưa bão: lập kế hoạch chống bão trong sản xuất kinh doanh, chủ động bố trí nhân lực, tập huấn và trao đổi kinh nghiệm trong phòng chống bão, dự trữ thêm vật tư sửa chữa, phương tiện bảo vệ cá nhân, áp phao, dây neo, áo quần đi mưa...
- Lập phương án phòng ngừa sự cố liên quan tới vỡ/tràn hồ lắng, trượt lở móng khai thác.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống khe hoặc mương thoát nước, hệ thống cống tránh hiện tượng bồi lắng đất ở cửa và trong lòng khe, mương, cống; thường xuyên nạo vét hồ lắng.
- Trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân khai thác lộ thiên.
- Tổ chức tập huấn, huấn luyện cho toàn bộ công nhân viên về kỹ thuật an toàn trong khai thác mỏ, định kỳ tiến hành kiểm tra trình độ, kiến thức về an toàn lao động.
- Thực hiện các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Xây dựng chương trình quản lý môi trường đảm bảo tuân thủ đúng, đầy đủ các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường nêu tại Phụ lục Quyết định này trước khi tiến hành triển khai thực hiện dự án.

5.2. Chương trình giám sát môi trường

Theo quy định tại Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số năm 2020 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, bụi và khí thải.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 9, Điều 1, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chủ dự án chỉ được thực hiện khai thác khoáng sản sau khi được UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật; đảm bảo an toàn tuyệt đối về môi trường trong quá trình hoạt động khai thác khoáng sản.

- Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng, công suất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật về khoáng sản; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành và QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án. Thực hiện các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường của Dự án, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định có liên quan về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.
- Thực hiện nghiêm túc các trách nhiệm về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong suốt giai đoạn xây dựng và vận hành Dự án theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật và bồi thường thiệt hại về môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật.
- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.
- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.